

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/DS-PT
Ngày 24 - 8 - 2018
V/v tranh quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Châu Việt Thanh

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Thanh T1, sinh năm 1935; địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1947; địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Minh H, sinh năm 1967

2. Chị Trương Diệu N, sinh năm 1987

3. Bà Trần Thị C, sinh năm 1969

4. Anh Trương Minh N1, sinh năm 1997

5. Chị Trương Diệu T2, sinh năm 1997
 6. Anh Trương Vũ L, sinh năm 1998
 7. Chị Phan Hồng T3, sinh năm 1973 (có mặt)
 8. Bà Nguyễn Thị Út, sinh năm 1939 (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trương Minh H: Anh Lâm Văn T4, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 1, Khóm 2, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị N, bà C, anh N1, chị T2 và anh T: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1947.

9. Bà Đỗ Thị H11, sinh năm 1945 (vắng mặt)
 10. Chị Phạm Thị L2, sinh năm 1967 (vắng mặt)
 11. Anh Phan Văn P, sinh năm 1969 (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.
12. Ủy ban nhân dân huyện Đ
- Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Minh T4, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Thanh T1 trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Phan Thanh T1 chuyển nhượng cho ông Trương Văn I vào năm 1994 với diện tích 45.000m², khi chuyển nhượng có làm giấy tay nhưng không đo đạc tổng thể diện tích. Năm 1995, ông T1 cho phần đất cho con rể là ông Nguyễn Văn T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vào năm 1994, ông T1 thuê xáng mức vào mức xung quanh chu vi bờ bao toàn bộ diện tích đất sử dụng vào việc nuôi tôm, khi mức chứa bờ khoảng 12m để đổ đất, phía đất của bà Đ giáp ranh khi đó chưa mức bờ bao chỉ đào tay. Đến năm 1998 phía bà Đ đưa xáng mức vào mức bờ vuông, do mức sau nên đổ đất tràn qua lấn vào đất của ông, bà Đ mức không chứa lè, nên đất lấp qua đất của ông chiều ngang khoảng 06m, dài từ mặt tiền tới mặt hậu. Ông có trình báo với chính quyền địa phương.

Hiện nay phần đất tranh chấp bà Đ và ông H đang trực tiếp canh tác nên ông yêu cầu ông H và bà Đ có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn T phần diện tích 1.040,7m², nằm tại thửa 110,111 tờ bản đồ số 10 giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất do ông H đứng tên một phần và bà Đỗ Thị H1 đứng tên một phần. Đối với phần đất có diện tích 18,8m² nằm tại thửa 115 tờ bản đồ số 10 do ông Nguyễn Văn T đứng tên nên ông rút lại yêu cầu. Việc đo đạc của Tòa án đối với phần đất tranh chấp ông hoàn toàn thống nhất, cơ quan chuyên môn kết luận đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H và bà H1 là chưa đúng thực tế. Ông yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.040,7m² do ông H và bà H1 đứng tên để cấp lại cho ông T đúng quy định pháp luật.

Trên đất tranh chấp qua thẩm định tại chỗ có 02 cây me do ông Trương Văn R trồng làm ranh và cặm trú đá để làm ranh, ngoài ra còn có: 06 cây méc, 03 cây xà cừ, 47 bụi chuối, 06 cây gòn, ông không yêu cầu Tòa án xem xét giá trị trụ đá và các cây trồng trên đất, trường hợp đất thuộc quyền sử dụng của ai thì người đó sử dụng.

Bị đơn bà Trần Thị Đ trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông Trịnh Văn T5 vào năm 1988 việc chuyển nhượng có làm giấy tay, có xác nhận của chính quyền địa phương. Khi sang nhượng không đo đạc hết diện tích chỉ đo phía mặt tiền là 39 tầm cây (01 tầm là 03m), bề ngang hậu là 45 tầm, dài 204 tầm khi sang nhượng có ông Trương Văn D là người chủ cũ canh tác phần đất của ông T hiện nay chứng kiến và ký tên xác nhận.

Đến năm 1995 bà làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai người con là Trương Minh H và Trương Minh Q đứng tên, hiện nay đất tranh chấp với ông T nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H.

Năm 1994, ông T1 múc vuông tôm đổ đất khoảng 02 công tràn xuống ruộng vuông tôm của bà và đoạn còn lại lấn qua bờ ruộng của bà, do nghĩ tình nghĩa xóm làng, đất không có giá trị nên bà không có trình báo chính quyền địa phương.

Vào năm 1998, bà có múc bờ bao xung quanh ruộng tôm, khi đó ông Phan Thanh T1 có ngăn cản, ông T1 cho rằng bà múc ruộng đổ đất lấp vào ruộng vuông của ông nhưng phần đất là của bà. Bà có trình báo chính quyền địa phương, địa phương có giải quyết (chỉ nói miệng) cho bà múc ruộng còn việc ông T1 thưa kiện sẽ giải quyết sau, từ đó đến nay hai bên phát sinh tranh chấp.

Nay ông T1 đại diện cho ông T yêu cầu bà và con bà là ông Trương Minh H trả phần đất diện tích 1.040,7m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Trương Minh H và Đỗ Thị H1 thì bà không thống nhất.

Việc bà H1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do cấp nhầm chữ phần đất này là của gia đình bà từ trước đến nay.

Ông T1 có yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trương Minh H và của bà Đỗ Thị H1 để cấp lại cho ông T, bà không đồng ý.

Trên đất tranh chấp qua thăm định tại chỗ có 02 cây me, 06 cây méc, 03 cây xà cừ, 47 bụi chuối, 06 cây gòn và 01 trụ đá, bà không yêu cầu Tòa án xem xét giá trị trụ đá và các cây trồng trên đất, trường hợp đất thuộc quyền sử dụng đất của ai thì người đó sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Minh H trình bày: Ông thống nhất với trình bày của mẹ ông là bà Trần Thị Đ, không trình bày thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Hồng T3 trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông Phan Thanh T1, không có ý kiến gì trình bày thêm.

Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày tại bản tự khai xác định: Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T, ông Trương Minh H và bà Đỗ Thị H1 vào thời điểm cấp giấy chứng nhận là đúng pháp luật, tuy nhiên thời điểm cấp giấy là cấp đại trà tổng thể theo bản đồ chính quy không có đo đạc khảo sát cụ thể thực tế nên không tránh khỏi sai sót, cấp nhầm, cấp trồng lẫn lên nhau, vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ vào chứng cứ giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H1 trình bày: Phần đất tranh chấp giữa ông T và bà Đ, ông H hiện nay bà còn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một phần là do cấp nhầm chứ thực tế bà đã chuyển nhượng toàn bộ cho bà Đ nên bà không có ý kiến gì.

Từ nội dung trên tại Bản án số 07/2018/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 255, Điều 256 Bộ luật dân sự 2005, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với bà Trần Thị Đ. Buộc bà Trần Thị Đ, anh Trương Minh H, chị Trương Diệu N, bà Trần Thị C, anh Trương Minh N1, chị Trương Diệu T2, anh Trương Vũ L phải giao trả đất cho ông Nguyễn Văn T phần đất 1.040,7m² có vị trí và hiện trạng như sau:

Hướng Đông giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 1,8m;

Hướng Tây giáp kênh thủy lợi cạnh dài 02m;

Hướng Nam giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Văn T cạnh dài 520,7m;

Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của bà Trần Thị Đ cạnh dài 540,3m.

Ông Nguyễn Văn T được quyền sở hữu cây trồng và vật gắn liền trên đất như sau: 02 cây me, 06 cây méc, 03 cây xà cừ, 47 bụi chuối, 06 cây gòn và 01 trụ đá.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho ông Trương Minh H và bà Đỗ Thị H1 với diện tích giao trả cho ông T. Các đương sự đến cơ quan chức năng có thẩm quyền kê khai cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích được tuyên trong bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với phần đất có diện tích 18,8m² nằm tại thửa 115 tờ bản đồ số 10 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn T đứng tên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí thẩm định, định giá, quyền kháng cáo cho các bên đương sự và trách nhiệm thi hành bản án.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Minh H kháng cáo bản án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T yêu cầu ông H trả đất.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế diện tích 1.040,7m² thuộc một phần các thửa số 110, 111 tờ bản đồ số 10 do ông Trương Minh H đứng tên và một phần thửa đất số 112 tờ bản đồ số 10 do bà Đỗ Thị H1 đứng tên quyền sử dụng, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp nằm trong phần đất của cha vợ ông T là ông Phan Thanh T1 nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn N diện tích 45.000m² vào năm 1994. Căn cứ vào biên bản đo đạc ngày 16/12/2015 và trích đo địa chính thửa đất (bút lục số 69,70), đất ông T đang sử dụng có diện tích 77.443,6m². Như vậy, diện tích ông T sử dụng

nhiều hơn diện tích đất nhận chuyển nhượng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 xác định ngoài chuyển nhượng của ông Nhì thì ông T1 còn chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn L4 diện tích 25.000m² (chuyển nhượng diện tích theo giấy cấp tạm); khi đo đạc thì đo luôn cả phần đất này đồng thời khi chuyển nhượng hai bên chỉ xác định diện tích theo giấy chứ không có đo đạc thực tế và khi giao đất thì giao luôn hiện trạng đất sẵn có. Ông T1 nhận chuyển nhượng đất và sử dụng đất sau khi vợ chồng bà Đ chuyển nhượng đất của ông Tần. Đất giữa ông T1 và bà Đ đều chuyển nhượng lại từ các chủ cũ, quá trình sử dụng đất các chủ cũ có 02 cây me làm ranh và đến khi chuyển nhượng cho ông T1 và bà Đ không có tranh chấp; đồng thời sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông T sử dụng đúng diện tích hiện trạng đất đã nhận chuyển nhượng.

[3] Bị đơn bà Trần Thị Đ cho rằng nguồn gốc đất gia đình bà sử dụng do nhận chuyển nhượng của ông Trịnh Văn T5 vào năm 1988. Theo “Đơn chuyển nhượng đất” lập ngày 03/12/1988 (âm lịch) (bút lục số 198), thể hiện đất ông Trịnh Văn T5 chuyển nhượng cho bà Trần Thị Đ có vị trí bề ngang mặt tiền tuyến sông cái là 117m; bề ngang hậu kinh ấp Tôn là 135m. Nhưng khi đo đạc thực tế, phần đất của bà Đ sử dụng có cạnh hướng Bắc giáp kênh thủy lợi là 110,1m, cạnh hướng Nam giáp kinh ấp Tôn là 128.2m, là thiếu so với đất khi bà Đ nhận chuyển nhượng. Tại phiên tòa bà Đ cho rằng trên đất có 02 cây me do bà trồng, tuy nhiên khi trồng bà còn chừa đất của bà khoảng hơn 01m về phía đất ông T.

[4] Lời khai của ông T5 và ông D (bút lục số 05,106) là hai chủ đất cũ của bà Đ và ông T đều xác định con bờ làm ranh đất giữa hai bên là con bờ chung, mỗi bên sử dụng một nửa con bờ. Sau khi bà Đ nhận chuyển nhượng đất của ông T5 năm 1988 gia đình bà Đ sử dụng không phát sinh tranh chấp với các chủ đất cũ của ông T là ông Trương Văn D, ông V, ông Trương Minh R. Hội đồng xét xử xét thấy đất tranh chấp giữa hai bên đều nhận chuyển nhượng của các chủ đất khác trước khi hai bên về sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất các chủ đất cũ hoàn toàn không có tranh chấp với nhau. Mặt khác ranh giữa hai bên có 02 cây me làm ranh và 02 cây me vẫn còn nguyên hiện trạng. Do đó, việc bà Đ cho rằng đất tranh chấp của bà nằm ngoài cây me về đất của ông T nên đất tranh chấp là của bà là không có cơ sở; mặt khác ngoài 02 cây me ở đầu kênh thủy lợi (đầu đất) còn có trụ đá, trụ đá này thẳng với 02 cây me trên đất làm ranh giữa các bên.

[5] Từ những căn cứ trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Minh H; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm ông Trương Minh H phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Minh H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 09/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với bà Trần Thị Đ. Buộc bà Trần Thị Đ, anh Trương Minh H, chị Trương Diệu N, bà Trần Thị C, anh Trương Minh N1, chị Trương Diệu T2, anh Trương Vũ L phải giao trả đất cho ông Nguyễn Văn T phần đất diện tích 1.040,7m²; vị trí và hiện trạng như sau:

- Hướng Đông giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 1,8m;
- Hướng Tây giáp kênh thủy lợi cạnh dài 02m;
- Hướng Nam giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Văn T cạnh dài 520,7m;
- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của bà Trần Thị Đ cạnh dài 540,3m.

Ông Nguyễn Văn T được quyền sở hữu cây trồng và vật gắn liền trên đất như sau: 02 cây me, 06 cây méc, 03 cây xà cừ, 47 bụi chuối, 06 cây gòn và 01 trụ đá.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho ông Trương Minh H đối với diện tích 1.006,24m² tại thửa 110, 111 tờ bản đồ số 10. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho bà Đỗ Thị H1 đối với diện tích 34,46m² tại thửa 112 tờ bản đồ số 10 đất cùng tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Các đương sự đến cơ quan chức năng có thẩm quyền kê khai cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích được tuyên trong bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn T đối với phần đất có diện tích 18,8m² nằm tại thửa 115 tờ bản đồ số 10 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn T đứng tên.

2. Chi phí đo đạc, định giá tài sản 500.000 đồng, ông T phải chịu. Ông Toàn đã nộp xong.

3. Án phí dân sự:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T chịu 200.000 đồng. Ông T đã nộp 370.000 đồng theo biên lai số 0000689 ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí 200.000 đồng còn được hoàn lại số tiền 170.000 đồng.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Minh H chịu 300.000 đồng. Ông H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011031 ngày 19 tháng 03 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, được chuyển thu án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện Đ (01 bản);
- CCTHADS huyện Đ (01 bản);
- Các đương sự (13 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Lệ Kiều